TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HOÀ** TỈNH LONG AN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 70/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 3 - 2021
"*V/v Ly hôn, nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hiệp.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Đổi.
2. Ông Đào Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Đính – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 134/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2021 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 28/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự**:**

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thùy T, sinh năm: 1998.
Địa chỉ: Ấp H, xã Q, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Anh Lê Tuấn A, sinh năm: 1991.
Địa chỉ: Ấp H, xã Q, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(Chị T xin vắng mặt; Anh Tuấn A vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 17/02/2021 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Trần Thị Thùy T trình bày: Chị Trần Thị Thùy T và anh Lê Tuấn A chung sống với nhau vào năm 2015 đến năm 2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An ngày 26 tháng 10 năm 2016. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất hòa trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cải vả, cuộc sống chung không phù hợp nên đã ly thân từ tháng 12 năm 2020 đến nay. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên xin ly hôn anh Tuấn A.

Về con chung: Chị T khai, chị T và anh Tuấn A chung sống có 02 con chung tên Lê Tường V, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2016 và Lê Công M, sinh ngày 11 tháng 7 năm 2018. Khi ly hôn, chị T xin được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời trình bày của anh Lê Tuấn A: Anh Lê Tuấn A xác nhận lời trình bày của chị T về thời gian điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung giữa anh Tuấn A và chị T như lời trình bày của chị T là đúng. Vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì trầm trọng, chỉ do chị T tự bỏ nhà ra đi. Nay chị T xin ly hôn, anh Tuấn A không đồng ý vì còn thương vợ thương con. Nếu Tòa án có căn cứ cho ly hôn, anh Tuấn A xin nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ theo pháp luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh Tuấn A đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà căn cứ các kết quả thẩm tra, xét hỏi tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình; Bị đơn anh Lê Tuấn A có hộ khẩu thường trú tại ấp H, xã Q, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn chị Trần Thị Thùy T xin vắng mặt và bị đơn anh Lê Tuấn A vắng mặt không lý do nên căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh Tuấn A.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thùy T và anh Lê Tuấn A chung sống với nhau vào năm 2015 đến năm 2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An ngày 26 tháng 10 năm 2016 nên quan hệ hôn nhân của chị T và anh Tuấn A được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị T và anh Tuấn A chung

sống với nhau hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cải vã dù hai bên đã cố gắng hàn gắn để kéo dài cuộc sống hôn nhân nhưng không được nên đã ly thân từ tháng 12 năm 2020 đến nay. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên xin ly hôn anh Tuấn A. Ngược lại, anh Tuấn A không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp hàn gắn nào được chị T chấp nhận. Mặt khác, chị T khai đã ly thân từ tháng 12 năm 2020 đến nay nhưng không có biện pháp nào hàn gắn và anh Tuấn A không đồng ý ly hôn nhưng không thể hiện ý chí hàn gắn là không đến tham dự phiên tòa. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn gia đình giữa chị T và anh Tuấn A đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, chị T yêu cầu được ly hôn với anh Tuấn A là phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh Tuấn A thống nhất khai, chị T và anh Tuấn A chung sống có có 02 con chung tên Lê Tường V, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2016 và Lê Công M, sinh ngày 11 tháng 7 năm 2018. Khi ly hôn, chị T xin được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con. Ngược lại, anh Tuấn A cũng xin được quyền nuôi 02 con chung nhưng không thể hiện thiện chí nuôi con do Tòa án đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 02 con chung cho chị T tiếp tục nuôi là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Mặt khác, chị T không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T và anh Tuấn A thống nhất khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị T và anh Tuấn A thống nhất khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Thùy T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 5, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Luật hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thùy T xin ly hôn với anh Lê Tuấn A.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thùy T được ly hôn với anh Lê Tuấn A.

Về con chung: Chị Trần Thị Thùy T được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung tên Lê Tường V, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2016 và Lê Công M, sinh ngày 11 tháng 7 năm 2018 hiện chị T đang nuôi. Anh Lê Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị T không yêu cầu.

Anh Tuấn A có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom các cháu Vy, Minh mà không ai được cản trở. Trường hợp anh Tuấn A lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Tuấn A theo quy định của pháp luật. Chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con của anh Tuấn A.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì anh Tuấn A, chị T, người thân thích của các cháu Vy, Minh, Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị Trần Thị Thùy T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai số 7482 ngày 18 tháng 02 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà sang án phí để thi hành.

Án này là sơ thẩm, chị T, anh Tuấn A vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện
- TAND tỉnh Long An
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA